

Số: 233/TANDTC-PC

V/v trao đổi nghiệp vụ

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2019

Kính gửi:

- Các Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự các cấp;
- Các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao.

Thời gian vừa qua, trên cơ sở tổng kết thực tiễn xét xử, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã có nhiều hướng dẫn về nghiệp vụ<sup>1</sup>. Quá trình thực hiện, Tòa án nhân dân tối cao nhận được đề nghị giải đáp một số vấn đề liên quan đến các nội dung đã hướng dẫn. Để bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử, Tòa án nhân dân tối cao có ý kiến như sau:

**1. Về việc áp dụng khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội (sau đây gọi là Nghị quyết số 41) để xử lý hành vi cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01-01-2018, mà sau thời điểm này mới bị phát hiện**

Theo quy định tại điểm c và điểm e khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41 thì:

*“c) Tội phạm mới quy định tại các Điều 217,..., 218, 219, 220, 221, 222, 223, 224, 230,... của Bộ luật Hình sự năm 2015;...và các quy định khác không có lợi cho người phạm tội thì không áp dụng đối với những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử...; trong trường hợp này, vẫn áp dụng quy định tương ứng của các văn bản quy phạm pháp luật về hình sự có hiệu lực trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 để giải quyết.*

*e) Đối với... hành vi cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng quy định tại Điều 165 của Bộ luật Hình sự năm 1999 xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà sau thời điểm đó vụ án đang trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì tiếp tục áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 để xử lý...; nếu sau thời điểm 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 mới bị phát hiện thì không khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử về... tội cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng quy định tại Điều 165 của Bộ luật Hình sự năm 1999 mà áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 về các tội danh tương ứng để khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử”.*

<sup>1</sup> Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐTP ngày 24-5-2019 hướng dẫn áp dụng Điều 324 của Bộ luật Hình sự về tội rửa tiền, Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐTP ngày 15-8-2019 hướng dẫn áp dụng các điều 214, 215, 216 của Bộ luật Hình sự về nhóm tội trong lĩnh vực bảo hiểm và Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13-9-2019 thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong xét xử.

Như vậy, căn cứ vào các điểm c và e khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41 thì việc xử lý hình sự đối với hành vi cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng được thực hiện như sau:

- Hành vi xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01-01-2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử thì áp dụng Điều 165 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để xử lý.

- Hành vi xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01-01-2018 đã có quyết định khởi tố vụ án hoặc quyết định khởi tố bị can, nhưng cơ quan có thẩm quyền quyết định không phê chuẩn quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can hoặc quyết định đình chỉ điều tra, nay có căn cứ phục hồi điều tra thì không áp dụng Điều 165 của Bộ luật Hình sự năm 1999, mà áp dụng các quy định tương ứng của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử lý<sup>2</sup>.

- Hành vi xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01-01-2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện thì không áp dụng Điều 165 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để xử lý mà áp dụng quy định tương ứng tại các điều 217, 218, 219, 220, 221, 222, 223, 224, 230 và các điều khác của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định về các tội phạm có tính chất cố ý làm trái để xử lý.

- Hành vi xảy ra từ 0 giờ 00 phút ngày 01-01-2018 thì áp dụng các quy định tại các điều 217, 218, 219, 220, 221, 222, 223, 224, 230 và các điều khác của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định về các tội phạm có tính chất cố ý làm trái để xử lý.

## ***2. Về việc xử lý trường hợp người thực hiện một hoặc nhiều hành vi thỏa mãn dấu hiệu cấu thành tội phạm của nhiều tội***

Tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐTP ngày 24-5-2019 hướng dẫn áp dụng Điều 324 của Bộ luật Hình sự về tội rửa tiền có hướng dẫn: *“Việc truy cứu trách nhiệm hình sự về tội rửa tiền có thể được tiến hành đồng thời với việc truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm nguồn và không loại trừ việc truy cứu trách nhiệm hình sự tội phạm nguồn”*.

Tại khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐTP ngày 15-8-2019 hướng dẫn áp dụng các điều 214, 215, 216 của Bộ luật Hình sự về nhóm tội trong lĩnh vực bảo hiểm có hướng dẫn: *“Người thực hiện hành vi làm giả hồ sơ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, thẻ bảo hiểm y tế để chiếm đoạt tiền bảo hiểm xã hội bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế hoặc gây thiệt hại, ngoài việc bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm tương ứng quy định tại các điều 214 hoặc 215 của Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 341 của Bộ luật Hình sự nếu có đủ yếu tố cấu thành tội phạm”*.

Tại mục 10 Phần I Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13-9-2019 giải đáp vướng mắc đối với trường hợp người thực hiện hành vi làm giả giấy tờ,

<sup>2</sup> Nghiên cứu thêm Công văn số 1738/UBTP14 ngày 31-01-2019 của Ủy ban Tư pháp của Quốc hội trả lời về việc áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14.



tài liệu của cơ quan, tổ chức để lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã giải đáp: “Hành vi làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức để lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã xâm phạm vào 02 khách thể khác nhau được Bộ luật hình sự bảo vệ (quy định tại Điều 174 và Điều 351 của Bộ luật Hình sự), nên nếu hành vi đó có đủ các yếu tố cấu thành tội phạm thì bị xử lý hình sự về cả tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 174) và tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức (Điều 341)”.

Tuy nhiên, sau khi các hướng dẫn này được ban hành vẫn có ý kiến, nhận thức không thống nhất. Cụ thể:

- Có ý kiến cho rằng trong các trường hợp nêu ở trên người phạm tội chỉ thực hiện 01 hành vi nên chỉ bị xử lý về 01 tội theo quy định của Bộ luật Hình sự, nếu hành vi đó có đủ các yếu tố cấu thành tội phạm.

- Ý kiến khác lại cho rằng đây là chuỗi hành vi được thực hiện một cách liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian; hành vi này là tiền đề, điều kiện để thực hiện hành vi kia nên phải xử lý về nhiều tội, nếu mỗi hành vi đều có đủ các yếu tố cấu thành tội phạm.

Về nội dung này, Tòa án nhân dân tối cao có ý kiến như sau:

- Trường hợp người thực hiện 01 hành vi nhưng thỏa mãn dấu hiệu cấu thành của nhiều tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội nặng hơn.

Ví dụ: Nguyễn Văn A và đồng phạm dùng xăng đốt cháy một số xe ô tô đang để trong sân của Công ty B, với mục đích nhằm gây ra tình trạng hoảng sợ trong công chúng. Hành vi của A và đồng phạm vừa có dấu hiệu cấu thành tội khủng bố quy định tại Điều 299 của Bộ luật Hình sự, vừa có dấu hiệu cấu thành tội hủy hoại tài sản quy định tại Điều 178 của Bộ luật Hình sự. Trong trường hợp này, A và đồng phạm chỉ thực hiện 01 hành vi (đốt cháy một số xe ô tô), nên nếu hành vi này có đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì A và đồng phạm cũng chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội nặng hơn là tội khủng bố quy định tại Điều 299 của Bộ luật Hình sự.

- Trường hợp người thực hiện nhiều hành vi (chuỗi hành vi) một cách liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian, trong đó, hành vi trước là tiền đề, điều kiện để thực hiện hành vi sau thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về nhiều tội tương ứng với từng hành vi, nếu mỗi hành vi đều có đủ các yếu tố cấu thành tội phạm.

Ví dụ 1: Do làm ăn thua lỗ, không có tiền để trả nợ và chi tiêu cá nhân, Nguyễn Văn A đã làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng lô đất có diện tích 100m<sup>2</sup>, sau đó A lừa bán mảnh đất này cho bà Trần Thị C để chiếm đoạt số tiền 5.000.000.000 đồng. Hành vi làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của A có dấu hiệu cấu thành tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 341 của Bộ luật Hình sự, còn hành vi lừa bán mảnh đất (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do A làm giả) để chiếm đoạt 5.000.000.000 đồng của bà Trần Thị C có dấu hiệu cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại Điều 174 của



Bộ luật Hình sự. Do đó, A có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về 02 tội, gồm tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 341 và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại Điều 174 của Bộ luật Hình sự, nếu mỗi hành vi đều có đủ các yếu tố cấu thành tội phạm.

Ví dụ 2: Do mâu thuẫn cá nhân, Nguyễn Văn A dùng khẩu súng K54 bắn vào đầu anh Trần Văn B, làm anh B tử vong. Hành vi sử dụng trái phép khẩu súng K54 của A có dấu hiệu cấu thành tội sử dụng trái phép vũ khí quân dụng quy định tại Điều 304 của Bộ luật Hình sự, còn hành vi bắn làm anh B tử vong có dấu hiệu cấu thành tội giết người quy định tại Điều 123 của Bộ luật Hình sự. Do đó, A có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về 02 tội, gồm tội sử dụng trái phép vũ khí quân dụng quy định tại Điều 304 và tội giết người quy định tại Điều 123 của Bộ luật Hình sự, nếu mỗi hành vi đều có đủ các yếu tố cấu thành tội phạm.

Ví dụ 3: Nguyễn Văn A là Tổng Giám đốc Tổng Công ty B đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt của Tổng Công ty B số tiền 50.000.000.000 đồng, sau đó A dùng tiền này đầu tư kinh doanh bất động sản. Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt số tiền 50.000.000.000 đồng của A có dấu hiệu cấu thành tội tham ô tài sản quy định tại Điều 353 của Bộ luật Hình sự, còn hành vi dùng tiền tham ô được đầu tư kinh doanh bất động sản có dấu hiệu cấu thành tội rửa tiền quy định tại Điều 324 của Bộ luật Hình sự. Do đó, A có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về 02 tội, gồm tội tham ô tài sản quy định tại Điều 353 và tội rửa tiền quy định tại Điều 324 của Bộ luật Hình sự, nếu mỗi hành vi đều có đủ các yếu tố cấu thành tội phạm.

Ví dụ 4: Nguyễn Văn A lén lút vào rừng chặt cây sau đó đưa ra khỏi rừng bán kiếm lời thì có thể bị xử lý về 02 tội là tội hủy hoại rừng (quy định tại Điều 243 của Bộ luật Hình sự) và tội trộm cắp tài sản (quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự), nếu mỗi hành vi đều có đủ các yếu tố cấu thành tội phạm. Bởi vì, hành vi cưa, chặt, đốt, phá, sử dụng hóa chất làm cây rừng chết... đã có dấu hiệu cấu thành tội hủy hoại rừng quy định tại Điều 243 của Bộ luật Hình sự, không phụ thuộc vào việc A đã lấy được tài sản gì từ rừng hay chưa. Hành vi lén lút lấy các sản phẩm từ rừng (như gỗ, cây, con, tài sản khác) thuộc sở hữu của Nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có dấu hiệu cấu thành tội trộm cắp tài sản quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

**3. Về việc xử lý tài sản bị chiếm đoạt trong trường hợp tại phiên tòa dù đã được Hội đồng xét xử giải thích quyền được đòi lại tài sản bị chiếm đoạt, yêu cầu bồi thường nhưng bị hại có ý kiến không yêu cầu bị cáo trả lại tài sản đó và cũng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường**

Theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự về tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm thì:

*“1. Việc tịch thu sung vào ngân sách nhà nước hoặc tịch thu tiêu hủy được áp dụng đối với:*

*a) Công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội;*



b) *Vật hoặc tiền do phạm tội hoặc do mua bán, đổi chác những thứ ấy mà có; khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội;*

c) *Vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành.*

2. *Đối với vật, tiền bị người phạm tội chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép, thì không tịch thu mà trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp."*

Theo quy định trên thì vật, tiền bị người phạm tội chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép thì không thuộc trường hợp tịch thu sung vào ngân sách nhà nước mà trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp.

Đồng thời, theo quy định tại Điều 194 của Bộ luật Dân sự thì: "*Chủ sở hữu có quyền bán, trao đổi, tặng cho, cho vay, để thừa kế, từ bỏ quyền sở hữu, tiêu dùng, tiêu hủy hoặc thực hiện các hình thức định đoạt khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với tài sản"*.

Như vậy, trong trường hợp tại phiên tòa dù đã được Hội đồng xét xử giải thích quyền được đòi lại tài sản bị chiếm đoạt, yêu cầu bồi thường nhưng bị hại có ý kiến không yêu cầu bị cáo phải trả lại tài sản đó và cũng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thì Tòa án không tuyên tịch thu tài sản đó mà ghi nhận ý kiến của bị hại trong bản án.

Trên đây là nội dung giải đáp một số vướng mắc có liên quan đến các vấn đề đã được hướng dẫn, giải đáp trong thời gian qua của Tòa án nhân dân tối cao để các Tòa án nghiên cứu, vận dụng giải quyết các vụ việc cụ thể thuộc thẩm quyền./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các Phó Chánh án TANDTC;
- Các Thẩm phán TANDTC;
- Lưu: VT, PC&QLKH.



**Nguyễn Trí Tuệ**